

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : VH0641001 - Toán

STC : 15(225,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

| STT | Họ và tên         |       | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |                   |       |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 1   | Lê Thanh          | Tín   | 3601010008 | 03/08/1996 | 5,50        | 7,00        | 6,30      |         |
| 2   | Lê Quốc           | Duy   | 3601010010 | 06/10/1995 | 5,00        | 5,00        | 5,00      |         |
| 3   | Nguyễn Thành      | Lập   | 3601010015 | 01/12/1991 | 2,70        | ,00         | 1,30      |         |
| 4   | Phạm Tấn          | Du    | 3601010021 | 20/04/1993 | 5,80        | 6,00        | 5,90      |         |
| 5   | Bùi Trọng         | Nghĩa | 3601010026 | 23/11/1995 | 6,20        | 6,00        | 6,10      |         |
| 6   | Nguyễn Trọng      | Tâm   | 3601010027 | 15/07/1994 | 6,30        | 4,00        | 5,20      |         |
| 7   | Nguyễn Huỳnh      | Phước | 3601010040 | 30/08/1993 | 6,20        | 6,00        | 6,10      |         |
| 8   | Nguyễn Huỳnh Đức  | Huy   | 3601010041 | 29/07/1995 | 5,70        | 4,00        | 4,80      |         |
| 9   | Lê Thanh          | Tiến  | 3601010050 | 12/04/1997 | ,00         | ,00         | ,00       |         |
| 10  | Cao Hoài          | Phước | 3601010056 | 01/02/1992 | ,00         | ,00         | ,00       |         |
| 11  | Phan Duy          | Long  | 3601010065 | 09/07/1994 | 6,20        | 7,00        | 6,60      |         |
| 12  | Nguyễn Hoàng Nhật | Minh  | 3601010069 | 22/08/1995 | 5,70        | 5,00        | 5,30      |         |
| 13  | Huỳnh Lê Trung    | Tự    | 3601010078 | 02/11/1997 | 6,30        | ,00         | 3,20      |         |
| 14  | Đặng Quốc         | Nhiệm | 3601010080 | 03/12/1988 | ,00         | ,00         | ,00       |         |
| 15  | Phan Thành        | Phát  | 3601010081 | 04/09/1995 | 4,80        | 6,00        | 5,40      |         |
| 16  | Lương Văn         | Thắng | 3601010090 | 21/06/1995 | ,00         | ,00         | ,00       |         |

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm  
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo  
(Họ tên và chữ ký)